

Bản án số: 68/2021/HSPT

Ngày: 18-01-2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phạm Tồn

Các Thẩm phán:

Ông Trần Quốc Cường

Ông Đặng Kim Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Kiều**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông **Lê Phước Thạnh** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 132/2020/TLPT-HS ngày 23 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

Y và B về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 60/2020/HS-ST ngày 17-11-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Y, Sinh ngày 08 tháng 7 năm 1982, tại: Mông Cổ; Nơi cư trú: Mông Cổ, Nghề nghiệp: không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: E2682767 cấp ngày 26/10/2019 Nơi cấp: Mông Cổ, Tôn giáo: không; Giới tính: Nam; Dân tộc: Khalkh; Quốc tịch: Mông Cổ; Con ông Y và bà R (*Đều đã chết*), Có vợ : U và có 03 (ba) con (*con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 1014*). Tiền án, tiền sự: Không;

Về nhân thân: Ngày 31/01/2000 bị Tòa án phạt 01 (một) năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 123.3 Luật hình sự Mông Cổ. Ngày 19/6/2003 bị

Tòa án phạt tù 05(năm) tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 181.3 Luật hình sự Mong Cổ.

Bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2019. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. B; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 5 năm 1986, tại: Mong Cổ; Nơi cư trú: Mong Cổ; Nghề nghiệp: Không; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: E2682767, cấp ngày 26/10/2019, Nơi cấp: Mong Cổ; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Dân tộc: Khalkh; Quốc tịch: Mong Cổ; Con ông: W (chết) và bà: B(còn sống); Có vợ là C và có 04(bốn) con (con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012); Tiền án tiền sự : không;

Về nhân thân: Ngày 20/02/2001 bị Tòa án phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 123.3 Luật hình sự Mong Cổ; Ngày 27/7/2012 bị Tòa án phạt 05 (năm) tù giam về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo Điều 181.3, Luật hình sự Mong Cổ.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/11/2019. Bị cáo hiện đang tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

- **Người phiên dịch cho các bị cáo:** Ông **Huỳnh Ngọc S-** sinh năm 1989. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Sửa chữa ô tô tại Mong Cổ là công dân có trình độ: Nói, dịch tiếng Mong Cổ sang tiếng nói, chữ viết Việt Nam theo quyết định trưng cầu người phiên dịch số: 14/CSĐT-HS Công an thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có những người khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 11/2019 Y và B (là người có quốc tịch Mong Cổ) đến thành phố Đà Nẵng để du lịch. Tuy nhiên, sau một thời gian thì đã nảy sinh ý định cùng nhau thực hiện trộm cắp thẻ thanh toán mua hàng qua ngân hàng (như thẻ VISA, ATM) của khách du lịch đang tham quan tại thành phố Đà Nẵng. Sau đó lấy thông tin cá nhân của chủ thẻ để làm giả giấy tờ tùy thân mang tên chủ thẻ và đem đi mua hàng chiếm đoạt tiền trong tài khoản của chủ thẻ, cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất:* Khoảng 18 giờ ngày 24/11/2019, Y đi một mình trên đường phố Đà Nẵng thì phát hiện một người phụ nữ mang túi xách màu xám không khóa, Y nhanh chóng tiếp cận và dùng tay phải móc lấy một ví màu nâu bên trong có 03 (ba) thẻ ngân hàng, 01 (một) thẻ ATM, 01 (một) thẻ căn cước mang tên BN

(Quốc tịch: Thái Lan). Sau đó, Y về lại địa chỉ Số: 18 L, quận S, thành phố Đà Nẵng dùng máy vi tính, máy in có sẵn làm giả một hộ chiếu mang tên BN, còn hình trên hộ chiếu là khuôn mặt của Y. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Y thuê taxi đến tiệm vàng PNJ số 513 đường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng và mua 01 (một) bộ trang sức bằng vàng và 01 (một) dây chuyền bằng vàng.

Sau đó, Y đến một tiệm vàng khác (không rõ địa chỉ) bán số vàng vừa mua được với giá 3000USD (Ba ngàn đô la Mỹ), số tiền này Y khai đã đưa cho vợ người Mông Cổ đem về nước.

Tiếp đó, Y tiếp tục sử dụng thẻ này đến cửa hàng Mobiphone số 580 đường Đ, quận T, Tp Đà Nẵng gặp giao dịch viên Trần Thị Kim T mua 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxxy S10 128 G trị giá 25.790.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng) và mua 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung No10, trị giá 22.490.000 đồng (Hai mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng). Chị T yêu cầu xem thẻ chứng minh là chủ tài khoản, thì Y đưa cho chị T xem Passport trên điện thoại, thấy trùng với tên chủ tài khoản, chị T đồng ý thanh toán. Khi thực hiện thanh toán qua thẻ, chị T phát hiện báo lỗi. Sợ bị phát hiện Y bỏ đi, nên chưa thực hiện được việc mua bán thành toán qua thẻ đối với chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxxy S10 128 G trị giá 25.790.000 đồng (Hai mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi ngàn đồng), nhưng đến thời điểm này, thẻ thanh toán đã thanh toán chiếc điện thoại Samsung No 10 với số tiền 22.490.000 đồng (Hai mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng).

Theo bà BN khai: Vào lúc 19 giờ 40 phút ngày 24/11/2019 thẻ Visa Credit SCB của bà bị người khác sử dụng để giao dịch lấy mất số tiền 131.163 bath [Tương đương 99.683.880 đồng (Chín mươi chín triệu, sáu trăm tám ba ngàn, tám trăm tám tám đồng)]

- Vụ thứ hai: Khoảng 08 giờ, ngày 26/11/2019, Y rủ B điều khiển xe máy biển kiểm soát 43C1- 680.06, nhãn hiệu Lead, màu trắng đi đến các địa điểm du lịch tại thành phố Đà Nẵng để tìm khách du lịch nào sơ hở, mất cảnh giác thì sẽ móc túi lấy trộm thẻ Visa, sau đó sẽ dùng thẻ Visa đó đi mua trang sức, vàng bạc, điện thoại mang về nước Mông Cổ bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày khi đến địa điểm nhà thờ Con Gà trên đường T, quận H, Tp Đà Nẵng, lúc này khoảng 11 giờ cùng ngày thì dừng lại, tại đây B đứng ngoài xe chờ, còn Y vào bên trong nhà thờ và dùng dao lam rạch túi xách lấy trộm của bà W (Quốc tịch: Hồng Kông Trung Quốc) là khách đang du lịch tại thành phố Đà Nẵng các tài sản sau: 02 (hai) thẻ Visa card Ngân hàng Hồng Kông với số thẻ 4966040507288702 và 110679784837 mang tên W, 01 (một) thẻ Visa card Ngân hàng Trung Quốc mang tên W, 01 (một) thẻ thường trú Hồng Kông và Ma Cao, 01 (một) thẻ chứng minh nhân dân W và số tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam:

3.500.000đồng (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) và 500 HKD (*Năm trăm đô la Hồng Kông*).

Sau khi lấy được các tài sản trên, Y đi ra và nói B điều khiển xe về số 18 L, quận S, thành phố Đà Nẵng để làm giả thẻ căn cước. Đến 12 giờ cùng ngày, sau khi làm xong thẻ, B chở Y đến tiệm vàng V (*số 462 đường H, Tp Đà Nẵng*). Đến nơi B đứng ngoài xe chờ, còn Y vào bên trong tiệm vàng mua 01(*một*) lắc đeo tay trọng lượng 05(*năm*) chỉ vàng, 01 (*một*) mặt dây chuyền trọng lượng 01(*một*) chỉ vàng và 02 (*hai*) sợi dây chuyền trọng lượng 01(*một*) lượng vàng/1 dây, 01(*một*) sợi dây chuyền trọng lượng 05(*năm*) chỉ vàng, tất cả là vàng 9.8T với tổng số tiền là 138.320.000đồng (*Một trăm ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*) và yêu cầu thanh toán qua thẻ. Chủ tiệm vàng (*người giao dịch mua bán*) bà Nguyễn Nha T khi bán có kiểm tra thẻ visa và passpost thấy trùng khớp tên nên bà T đã bán hàng và xuất hóa đơn thanh toán cho khách.

Khoảng 15 phút sau, Y đi ra và đưa cho B 01(*một*) lắc đeo tay màu vàng, 01 (*một*) mặt dây chuyền màu vàng và 03 (*ba*) sợi dây chuyền màu vàng. Sau đó, cả hai chia nhau ra đi hai hướng khác nhau. B điều khiển xe máy đi còn Y tự kiếm phương tiện khác để đi.

Như vậy, tổng số tiền mà Y và B chiếm đoạt của bà W là:142.678.305 đồng(*Một trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm không năm đồng*). Trong đó tiền trộm cắp là 3.500.000đồng (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) và 500 HKD (*Năm trăm đô la Hồng Kông*).

Tổng số tiền mà Y chiếm đoạt của bà BN (*Quốc tịch: Thái Lan*) là: 122.175.000đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Tổng số tiền Y phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi chiếm đoạt là: 264.853.305 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu, tám trăm năm mươi ba nghìn, ba trăm không năm đồng*).

Tài sản đã thu hồi được là 3,1 lượng vàng và 01 (*một*) điện thoại di động hiệu Samsung No10 trị giá: 22.490.000 đồng(*Hai mươi hai triệu, bốn trăm chín mươi ngàn đồng*).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 60/2020/HS-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 290, điểm g khoản 1, Điều 52 và khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) .

Xử phạt: Bị cáo **Y: 09 (*chín*)** năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” và **01(*một*)** năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 (*hai*) tội

buộc bị cáo phải chấp hành là: **10(mười)** năm tù. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 26/11/2019.

Căn cứ: Điều 2 khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) .

Xử phạt: Bị cáo **B: 03 (Ba)** năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” và 06 (**sáu**) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 (**hai**) tội buộc bị cáo phải chấp hành hình là: **03(ba)** năm, **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 26/11/2019.

Ngoài ra bản án còn quyết định về hình phạt bổ sung, phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/11/2020, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của đại diện VKS tại phiên tòa: Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Y và B thừa nhận, mục đích đến du thành phố Đà Nẵng-Việt Nam với mục đích tham quan, du lịch, nhưng sau đó nảy sinh ý định trộm cắp các loại thẻ như thẻ VISA, ATM, của những người nước ngoài khác đến Đà Nẵng du lịch sau đó sử dụng công nghệ mạng máy tính, máy in làm giả giấy tờ tùy thân của mình mang tên chủ thẻ trộm được rồi đem đi mua hàng nhằm chiếm đoạt tiền trong tài khoản của chủ thẻ. Với hành vi và cách thức như trên bị cáo Y thực hiện 2 vụ.

- Lần thứ nhất vào ngày 24/11/2019 Y lợi dụng sơ hở của bà BN (Quốc tịch Thái Lan) 03 (ba) thẻ Ngân hàng, sau đó sử dụng máy tính, máy in làm giả hộ chiếu mang tên của bị cáo để đi mua vàng để bán. Số tiền chiếm đoạt lần này tài khoản trong thẻ của bà BN là: 131.163 bath [Tương đương 99.683.880 đồng, sau đó bị cáo nhờ người quen đưa về cho vợ tại Mông Cổ].

- Lần thứ 2 vào ngày 26/11/2019 Y rủ thêm B (*đều quốc tịch Mông Cổ*) sử dụng phương tiện xe máy đi đến tại nhà thờ Con Gà trên đường T, thành phố Đà

Năng, tại đây B đứng ngoài xe chờ, Y đi vào bên trong nhà thờ dùng dao lam rạch túi xách bà W có (*Quốc tịch Trung Quốc*) trộm được 3.500.000đ (*Ba triệu, năm trăm ngàn đồng*) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 500 HKD (*đô la Hồng Kông*), và 03 thẻ Visa card, chiếm đoạt số tiền trong thẻ của bà W là: 138.200.000đ để mua vàng chia nhau thì bị bắt. Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 290 để xét xử Y; và B theo điểm đ khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Hình sự về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” và cả hai bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo Y và B là người nước ngoài có nhân thân xấu, nhập cảnh qua Việt Nam để du lịch, nhưng khi đến thành phố Đà Nẵng thuê nhà nghỉ lưu trú để trộm cắp tài sản của người nước ngoài đến Đà Nẵng du lịch như các loại thẻ Visa card có giá trị thanh toán qua Ngân hàng dưới hình thức mua hàng hóa, sau đó làm giả giấy tờ hộ chiếu, thẻ căn cước thể hiện hình ảnh của mình trên hộ chiếu, thẻ căn cước mang tên chủ thẻ rồi sử dụng đem đi mua hàng nhằm chiếm đoạt tiền trong tài khoản của chủ thẻ là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật Hình sự Việt Nam bảo vệ. Từ ngày 24 và 26/11/2019 các bị cáo đã lén lút thực hiện 2 vụ, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương thành phố Đà Nẵng nói riêng và trên toàn lãnh thổ Việt Nam nói chung nên cần phải xử lý nghiêm, tiếp tục cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, rèn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung là cần thiết. Tại phiên tòa hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên HĐXX cấp phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện Kiểm Sát tại phiên tòa.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của các bị cáo Y và B không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Y và B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Y** và **B** phạm tội **“Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”** và tội **“Trộm cắp tài sản”**.

2. Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 290, điểm g khoản 1, Điều 52 và khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) .

Xử phạt: Bị cáo **Y: 09 (chín)** năm tù về tội **“Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”** và **01(một)** năm tù về tội **“Trộm cắp tài sản”**. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 (hai) tội buộc bị cáo phải chấp hành là: **10(mười)** năm tù. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 26/11/2019.

3. Căn cứ: Điểm đ khoản 2 Điều 290; khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, Điều 51 và Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **B: 03(Ba)** năm tù về tội **“Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”** và **06 (sáu)** tháng tù về tội **“Trộm cắp tài sản”**. Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 (hai) tội buộc bị cáo phải chấp hành hình là: **03(ba)** năm, **06 (sáu)** tháng tù. Thời hạn chấp hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 26/11/2019.

4. Hình phạt bổ sung: Áp dụng Điều 37 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Buộc: Trục xuất các bị cáo Y và B phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về án phí: Y và B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSPT.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Sở ngoại vụ thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng;
- Các Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tôn

